TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:300/2018/HS-ST
Ngày:14-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tuấn Hưởng

2. Ông Trần Trọng Tú

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Điệp– Chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 271/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 07 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo: **Nguyễn Trung K**, sinh ngày 28/12/1975, tại huyện ĐHg, tỉnh TB; Nơi ĐKHKTT: xóm TrT, xã PhX, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: tự do; Con ông: Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1947; Con bà: Phạm Thị M, sinh năm 1956; Gia đình bị cáo có 03 anh em bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Lường Thị C, sinh năm 1983; Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2011, Tiền án, tiền sự: Không,

Nhân thân: 02

- Tại bản án số 77/2012/HSPT ngày 25/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt bị cáo K 9 tháng 01 ngày tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Tại bản án số 396/2012/HSST ngày 28/9/2012 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 03 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/01/2018 đến nay, Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại**: 1) Chị Phạm Thị Ch, sinh năm 1971 (có mặt)

HKTT: xóm X, xã HThg, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên.

2)Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 (có mặt)

HKTT: xóm ĐK, xã ĐX, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Đặng Hải N, sinh năm 1968 (có mặt)

HKTT: xóm X, xã HThg, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên;

*** Người làm chứng**

1) Chị Nguyễn Hồng X, sinh năm 1982 (vắng mặt)

HKTT: xóm BĐ, xã CL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên

3) Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1969 (có mặt)

HKTT: xóm X, xã HThg, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

4) Chị Lường Thị C, sinh năm 1983 (vắng mặt)

HKTT: xóm TrT, xã PX, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

5) Anh Dương Đình Th, sinh năm 1983 (vắng mặt)

HKTT: xóm PhM, xã ĐX, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên

6) Cháu Nguyễn Thị H1, sinh năm 1996 (có mặt)

HKTT: xóm ĐK, xã ĐX, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên

7) Cháu Đặng Thị Cẩm Nh, sinh năm 1993 (có mặt)

HKTT: xóm ThH, xã TTh, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trung K là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2016 đến tháng 8/2017 Kiên thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Do chị Phạm Thị Ch (sinh năm 1971; HKTT: xóm X, xã HThg, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên) có con gái là Đặng Thị Cẩm Nh, sinh năm 1993, HKTT: Xóm ThH, xã TH, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên, đã tốt nghiệp khoa giáo dục tiểu học trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên nhưng chưa xin được việc làm. Qua giới thiệu của chị Nguyễn Hồng X (sinh năm 1982; HKTT: xóm BĐ, xã CL, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên) Nguyễn Trung K có khả năng chạy đỗ biên chế cho ai có nhu cầu xin vào các cơ quan nhà nước nên chị Ch đã xin số điện thoại và địa chỉ của K và chủ động liên hệ với K. Qua trò chuyện Ch cho K biết gia đình đã chuẩn bị tiền và đang tìm người chạy biên chế cho Nh, biết được chị Ch có tiền và bản thân K nợ nần ở ngoài xã hội không có khả năng trả nợ nên K nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của Chị Ch bằng cách nhận tiền chạy biên chế cho cháu Nh. K vào trang mạng "Cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân TPTN" đang tuyển biên chế. Lợi dung thông tin trên K nói dối chị Ch là K có thể chạy được biên chế cho cháu Nh vào dạy học tại các trường tiểu học trên địa bàn thành phố TN, chi phí hết 110.000.000 đồng, K hứa hẹn đầu tháng 01/2017 chắc chắn Nh sẽ có quyết định tuyển biên chế. Tin lời K nói và muốn xin việc cho con gái nên ngày 17/8/2016, chị Ch cùng chồng là Đặng Hải N (sinh 1968;

HKTT: xóm X, xã HThg, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên) đến nhà K tại xóm TrT, xã PX, TPTN, tỉnh Thái Nguyên giao trực tiếp cho K 110.000.000 đồng, khi giao tiền hai bên có viết giấy vay tiền, K ký tên vào phần người vay. Sau khi nhận tiền của chị Ch, K sử dụng số tiền trên để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết mà không dùng tiền để chạy biên chế cho Nh. Ngày 11/12/2016 cháu Nh thi biên chế nhưng kết quả không đỗ, chị Ch chủ động tìm gặp K hỏi lí do thì K giải thích do thay đổi hội động thi tuyển biên chế, đồng thời hứa hẹn sẽ trả đủ tiền cho chị. Đến giữa năm 2017, K tìm hiểu thông tin trên mạng Internet biết tháng 8/2017 Phòng giáo dục và đào tạo TPTN có đợt tuyển biên chế năm 2017. K tiếp tục dùng thủ đoạn lừa chị Ch bằng cách bảo Nh đăng ký dự thi, K sẽ dùng tiền chị Ch giao ngày 17/8/2016 chạy biên chế cho Nh, trên thực tế K không có khả năng chạy biên chế cho Nh mà để cho Nh tự đi thi theo năng lực. Tin lời K, Nh tiếp tục đi thi nhưng kết quả thi Nh không đỗ, lúc này chị Ch phát hiện bị K lừa đảo chiếm đoạt tiền nên đã nhiều lần tìm đến nhà K để đòi tiền đồng thời thông báo cho K biết nếu không trả tiền sẽ viết đơn tố cáo ra cơ quan Công an. Ngày 18/10/2017, chị Ch tiếp tục đến nhà K để đòi tiền thì gặp chị Lường Thị C là vợ của K, chị C biết K lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Ch nên đã viết cho chị Ch một giấy hẹn trả nợ. Sau nhiều lần bị chị Ch đòi tiền, K đã trả lại cho chị Ch số tiền 48.000.000 đồng. Số tiền còn lại K không trả lại cho chị Ch nên ngày 7/12/2017 chị Ch viết đơn trình báo đến Công an TPTN đề nghị xử lý K theo quy định của pháp luật.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 5/2017, anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1970; HKTT: xóm ĐK, xã ĐX, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên) có con gái là cháu Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1996; HKTT: xóm ĐK, xã ĐX, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên) chuẩn bị tốt nghiệp Cao Đẳng SPTN và đang có nhu cầu xin việc làm. Qua giới thiệu của anh Dương Đình Th (sinh năm 1983; HKTT: xóm PhM, xã ĐX, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên) ông T nghe thông tin Nguyễn Trung K có khả năng xin được việc làm biên chế cho chị Hiếu nên khoảng cuối tháng 5/2017, ông Tịnh hẹn gặp Kiên lần đầu để hỏi xin việc cho chị H1. Biết ông T có tiền và bản thân K đang nợ tiền ở ngoài xã hội không có khả năng trả nợ nên K có ý định chiếm đoạt tiền của ông T thông qua hình thức xin việc làm biên chế nhà nước cho chị H1. K đã nói dối ông T là K đang làm giáo viên trường dạy nghề tỉnh TN thuộc Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, vợ K dạy ở trường PhX, cả hai vợ chồng K đều là giáo viên nên K có một xuất biên chế cho con em trong ngành, hiện con K còn nhỏ chưa đi làm được nên nếu ông T có nhu cầu chạy biên chế cho con gái thì K chạy cho, chi phí xin việc hết 120.000.000 đồng. Tin lời K nói và muốn chạy biên chế cho con gái nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông T chưa có đủ 120.000.000 đồng để giao cho K ngay, sau khi biết ông T chưa lo đủ tiền, K nói với ông T đưa trước cho K số tiền 50.000.000 đồng để đặt cọc, khi nào có quyết định tuyển biên chế thì giao nốt cho K số tiền còn lại, ông T đồng ý. Ngày 23/7/2017, ông T cùng Th đến nhà K tại xóm TrT, xã PhX, TPTN để thống nhất giao tiền, tại đây, K viết 01 giấy vay tiền rồi ký tên sau đó đưa cho ông T. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, ông T đem số tiền 50.000.000 đồng đến khuôn viên Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ TPTN thuộc tổ X, phường HVT, TPTN

giao trực tiếp cho K dưới sự chứng kiến của anh Th. Sau khi cầm tiền của ông T, K đem đi trả nợ hết mà không sử dụng tiền để chạy biên chế cho chị H1 như đã hứa, giữa tháng 8/2017, K tiếp tục nói dối ông T: "Sắp có quyết định tuyển biên chế rồi, anh chuẩn bị thêm cho em hai mươi triệu để em mời cơm cảm ơn người ta". Ông T đồng ý sau đó chuẩn bị thêm tiền nhưng K không đến nhận mà nhờ anh Dương Đình Th đến nhận hộ, ngày 20/8/2017 Th đến nhà ông T để nhận tiền và viết cho ông T 01 giấy nhận tiền, sau đó ông T không đưa tiền cho Th1 mà cùng anh Th1 đến nhà K giao tiền, tuy nhiên không gặp được K nên không giao được tiền. Cuối tháng 8/2017 do chị H1 không có quyết định tuyển biên chế nên ông T liên lạc với K để hỏi lý do nhưng K liên tục trốn tránh, ông T xác định đã bị K lừa nên nhiều lần gọi điện đòi tiền K, đến giữa tháng 11/2017 K trả cho ông T 35.000.000 đồng, số tiền còn lại K không trả cho ông T nên ngày 23/1/2018, ông T đã làm đơn đến Công an xã PHX, TPTN giải quyết.

Bản cáo trạng số 275/CT-VKSNDTPTN ngày 02 tháng 07 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Trung K về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận mình không có khả năng tuyển dụng cũng như không có quen biết ai, do có nợ nần nhiều nên đã đưa ra thông tin gian dối để chị Ch, anh T giao tiền cho mình để lo xin biên chế nhà nước cho các con bị hại, thực tế bị cáo để cho các cháu Nh và H1 tự thi bằng năng lực của mình nếu các cháu thi đỗ thì bị cáo được số tiền các bị hại đã đưa. Sau khi nhận tiền của bị hại, bị cáo đã sử dụng vào mục đích cá nhân nên đến nay mới trả cho chị Ch 48.000.000đ và anh T 35.000.000đ.

Bị hại Phạm Thị Ch xác định lời khai của bị cáo là đúng, bản thân chị nghe giới thiệu nên có đến đặt vấn đề với K và giao cho K 110.000.000đ để K lo biên chế cho con gái tuy nhiên sau này tìm hiểu mới biết mình bị lừa, nhiều lần chị đòi tiền K đã trả cho chị 48.000.000đ, chị yêu cầu bị cáo trả cho chị số tiền còn lại là 62.000.000đ. Bị hại Nguyễn Văn T thừa nhận nội dung trình bày của bị cáo là đúng, anh đã giao cho bị cáo 50.000.000đ với mục đích đặt cọc để xin cho cháu H1 vào biên chế đến nay bị cáo đã trả cho anh được 35.000.000đ, anh yêu cầu bị cáo có trách nhiệm trả cho anh số tiền còn lại là 15.000.000đ. Đối với anh Đặng Hải N xác định lời khai của chị Phạm Thị Ch là đúng, anh xác định số tiền đưa cho bị cáo là tài sản chung vợ chồng, nay anh yêu cầu bị cáo có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng anh, người đại diện nhận lại số tiền trên là chị Ch.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung K phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 4-5 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị

cáo. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự 2015, Điều 357, 584, 585, 586 Bộ luật dân sự Buộc bị cáo Nguyễn Trung K trả cho chị Phạm Thị Ch số tiền 62.000.000đ và buộc bị cáo K trả cho anh Nguyễn Văn T 15.000.000đ.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong thời gian tạm giữ, tạm giam bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo gửi lời xin lỗi các bị hại, hiện bố bị cáo đã già, con còn nhỏ cho hưởng mức án thấp để sớm trở về với gia đình, xã hội và đi làm sớm có tiền trả cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng**:** Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai bị hại, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Như vậy hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Nguyễn Trung K để có tiền trả nợ, chi tiêu cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 8/2016 đến tháng 8/2017 Nguyễn Trung K đã đưa ra thông tin gian dối có thể chạy đỗ biên chế vào cơ quan nhà nước để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Nguyễn Trung K hứa hẹn có thể xin thi đỗ công chức là giáo viên tại một số trường tiểu học trong địa bàn TPTN cho cháu Đặng Thị Cẩm Nh là con của chị Phạm Thị Ch và anh Đặng Hải N. Ngày 17/8/2016 tại nhà của Kiên tại xóm TrT, xã PX, TPTN, tỉnh Thái Nguyên chị Ch và anh N đã giao số tiền 110.000.000đ cho K sau đó bị cáo sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân.

Vụ thứ hai: Bằng thủ đoạn hứa xin việc chị Nguyễn Thị H1 vào biên chế tại một số trường học trên địa bàn huyện PB với giá 120.000.000đ tuy nhiên do anh T (bố cháu H1) chưa có đủ nên ngày 23/7/2018 tại khu vực Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ thuộc khu vực tổ X, phường HVT, TPTN anh T đã giao cho bị cáo số tiền 50.000.000đ để đặt cọc, sau đó bị cáo sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Sau khi giao tiền cho bị cáo K nhưng cháu Nh và cháu H1 không có quyết định tuyển dụng, qua tìm hiểu biết bị lừa nên các bị hại đã có đơn trình báo cơ quan Công an TPTN đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Mặc dù Nguyễn Trung K không có chức năng, thẩm quyền về việc tuyển dụng cán bộ công chức tuy nhiên K vẫn dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin để các bị hại tin tưởng giao tiền cho mình nhằm chiếm đoạt số tiền 160.000.000đ của chị Phạm Thị Ch và anh Nguyễn Văn T như trên, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời điểm bị cáo phạm tội trong khoảng thời gian từ tháng 8/2016 đến tháng 8/2017 do đó áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo.

Nội dung Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1) Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác mà có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng .... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2). Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

…

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng".

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo thấy: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần có mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại cho cả hai bị hại; bố bị cáo là ông Nguyễn Đức Đ được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất năm 1985, Huân chương kháng chiến hạng 3 năm 1987 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo có nhân thân xấu đã hai lần bị xét xử về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, sau khi chấp hành xong các bản án, bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội do đó khi quyết định hình phạt cần có hình phạt nghiệm khắc để giáo dục bị cáo đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

[5] Trách nhiệm dân sự:

Các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt do đó cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cụ thể như sau: Đối với số tiền 110.000.000đ chiếm đoạt của chị Phạm Thị Ch đến nay bị cáo đã khắc phục bồi thường được 48.000.000đ cần buộc bị cáo bồi thường số tiền còn lại

62.000.0000đ. Đối với số tiền 50.000.000đ chiếm đoạt anh Nguyễn Văn T đến nay bị cáo đã bồi thường được 35.000.000đ cần buộc bị cáo bồi thường số tiền còn lại 15.000.000đ.

[6] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản..."* do đó bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có đủ điều kiện và khả năng thì hành hình phạt bổ sung, do đó Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo, Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này còn có chị Nguyễn Hồng X và anh Dương Đình Th là người giới thiệu cho chị Ch và anh T làm quen với Nguyễn Trung K, quá trình điều tra xác định chị Xn và anh Th không biết mục đích chiếm đoạt tài sản của K nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa như phân tích ở trên có phần nghiêm khắc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung K phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

[2] Về hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38; điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung K 42 (Bốn mươi hai) tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày 17/1/2018.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Trung K 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án

[3] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Trung K có trách nhiệm bồi thường cho chị Phạm Thị Ch số tiền 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng); bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 15.000.000đ (Mười năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Trung K phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.850.000đ (Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

[5] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Trung K; Bị hại Phạm Thị Ch, Nguyễn Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Hải N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Bích Hiền

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Công an thành phố Thái Nguyên;
- THADS thành phố Thái Nguyên;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; Người TGTT;
- Lưu HS,VP.